

Bản án số: **63/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 17/02/2022  
V/v: *Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Tưởng Ngọc T**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Phạm Tiến L**

**Bà Nguyễn Thị L**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*  
**Bà Nguyễn Thị Thu H** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 4212021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên Đơn:** Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1977

- **Bị đơn:** Chị **Quách Thị D**, sinh năm 1980

Đều trú tại: tổ A, khu X, thị trấn X, Chương Mỹ, Hà Nội.

Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

**1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Dương Văn Tâm trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh T và chị D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống với nhau bình thường cho đến năm 2014 – 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng sống ly

thân từ năm 2016 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị D.

**Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là Dương Anh T, sinh ngày 13/01/2004; Dương N, sinh ngày 11/7/2006; Dương Ngọc B, sinh ngày 08/10/2016. Hiện tại, 03 con đang ở với anh T. Nguyên vọng của anh T là xin nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Bị đơn chị Quách Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình làm việc. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Quách Thị B (mẹ đẻ của chị D):**

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh T và chị D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình vào năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà anh T ở thị trấn X. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì tôi không nắm được. Nay anh T nộp đơn xin ly hôn chị D thì tôi cũng nhất trí, nếu hai vợ chồng không ở được với nhau thì cũng giải quyết.

**Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là Dương Anh T, sinh ngày 13/01/2004; Dương N, sinh ngày 11/7/2006; Dương Ngọc B, sinh ngày 08/10/2016. Hiện tại, 03 con chung đang ở với anh T. Bà B đồng ý để các cháu ở với bố để ổn định cuộc sống, không yêu cầu gì.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:**

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

### **4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:**

**Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:** Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho anh Dương Văn T được ly hôn chị Quách Thị D. Về con chung: Giao cháu Dương N và cháu Dương Ngọc B cho anh Dương Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác, cháu Dương Anh T đã trưởng thành nên không xem xét. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Quách Thị D cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

**XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn chị Quách Thị D đang cư trú tại khu X, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

**[2] Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn T và chị Quách Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình năm 2001 nên hôn nhân giữa anh T và chị D là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh T: vợ chồng không quan tâm đến nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015, vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trước yêu cầu của anh T xin ly hôn, chị D không tham gia tố tụng tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến. Yêu cầu của anh T xin ly hôn chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng anh T và chị D có 03 con chung là Dương Anh T, sinh ngày 13/01/2004; Dương N, sinh ngày 11/7/2006; Dương Ngọc B, sinh ngày 08/10/2016. Tuy nhiên, cháu T đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét. Hiện, cháu N và cháu B đang ở với anh T nên việc giao hai con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Xử:**

**1. Về hôn nhân:** Anh Dương Văn T được ly hôn chị Quách Thị D.

**2. Về con chung:** Xác nhận anh Dương Văn T và chị Quách Thị D có 03 con chung là Dương Anh T, sinh ngày 13/01/2004; Dương N, sinh ngày 11/7/2006; Dương Ngọc B, sinh ngày 08/10/2016.

Hiện tại, cháu Dương Anh T đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

Giao cháu Dương N và cháu Dương Ngọc B cho anh Dương Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Quách Thị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D cho đến khi có sự thay đổi khác.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Không xem xét.

**4. Về án phí:** Anh Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075475 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh Dương Văn T, chị Quách Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Tướng Ngọc T***

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Phạm Tiến Lợi***

***Nguyễn Thị Liên***

***Tưởng Ngọc Tuấn***